

Bản án số: 17/2019/DS-PT

Ngày: 16-4-2019

V/v tranh chấp chia thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lại Anh Vân

Các thẩm phán:

Bà Trịnh Cẩm Vân.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2019/TLPT-DS ngày 16/01/2019 về việc tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS - ST ngày 03/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện NG, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2019/QĐ-PT ngày 04/3/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐ - PT ngày 28/3//2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn :* Ông Hà Văn S, sinh năm 1964, có mặt.

Địa chỉ: Thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Hà Huy Qu, sinh năm 1960, có mặt.

Địa chỉ: Thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương.

3. *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

3. 1 Ông Hà Huy D, sinh năm 1946. Địa chỉ: Số 6/687 đường LTN, phường HT, thành phố D, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3.2 Ông Hà Huy Y, sinh năm 1947. Địa chỉ: Số 20/687 đường LTN, phường HT, thành phố D, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3.3 Bà Hà Thị Ng (tên gọi khác là G), sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3.4 Bà Hà Thị H, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3.5 Bà Hà Thị H1, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3.6 Bà Hà Thị H2, sinh năm 1946. Địa chỉ: Thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3.7 Ông Hà Văn Th, sinh năm 1952. Địa chỉ: Thôn 2, xã EN, huyện EH, tỉnh K. Vắng mặt.

3.8 Anh Hà Như O, sinh năm 1965. Địa chỉ: Khu 1, phường HT, thành phố D, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3.9 Chị Hà Thị H3, sinh năm 1969. Địa chỉ: SN 15, đường TT, phường HV, quận HB, TP Hải Phòng. Vắng mặt.

3.10 Chị Hà Thị H4, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khu MA, xã BK, thị xã Tr, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3.11 Chị Hà Thúy H5, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu 8, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3.12 Anh Hà Văn Th1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3.13 Anh Hà Văn Th2, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3.14 Ông Hà Văn Đ, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3.15 Anh Hà Văn C, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3.16 Chị Bùi Thị H6, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3.17 Bà Hà Thị T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

3.18 Bà Đào Thị B, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương, có mặt.

(Ông Hà Huy D, ông Hà Huy Y, bà Hà Thị Ng (tên gọi khác là G), bà Hà Thị H, bà Hà Thị H1, ông Hà Văn Th, ông Hà Văn Đ, anh Hà Văn C, chị Bùi Thị H6, bà Hà Thị T ủy quyền cho ông Hà Văn S tham gia tố tụng)

(Bà Đào Thị B ủy quyền cho ông Hà Huy Qu tham gia tố tụng).

(Bà Hà Thị H2, anh Hà Như O, chị Hà Thị H4, chị Hà Thúy H5, anh Hà Văn Th1, anh Hà Văn Th2 ủy quyền cho chị Hà Thị H3; Bà Hà Thị H2, anh Hà Như O, chị Hà Thị H4, chị Hà Thúy H5, anh Hà Văn Th1, chị Hà Thị H3 ủy quyền cho Hà Văn Th2).

4. Người kháng cáo:

- Nguyên đơn ông Hà Văn S, sinh năm 1964 . Có mặt.

- Bị đơn: ông Hà Huy Qu, sinh năm 1960. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hà Văn S và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn đều trình bày: Cụ Hà Văn H7, cụ Bùi Thị H8 là vợ chồng, sinh được 09 người con, gồm ông Hà Như Y (ông Y chết ngày 01/4/2014 - ông Y có vợ là bà Hà Thị

H2, có các con là Hà Như O, Hà Thị H3, Hà Thị H4, Hà Thúy H5, Hà Văn Th1, Hà Văn Th2); ông Hà Huy D; ông Hà Huy Y; ông Hà Văn Th; bà Hà Thị Ng; bà Hà Thị H; bà Hà Thị H1; ông Hà Huy Qu và ông Hà Văn S. Cụ Bùi Thị H8 (chết năm 1988), cụ Hà Văn H7 chết ngày 04/7/2004), khi chết hai cụ đều không để lại di chúc. Khi còn sống cụ H8, cụ H7 xác lập được khối tài sản là 363m² đất ở (trong đó 360m² đất thổ cư; 60m² đất trồng cây lâu năm; 3m² đất vườn thừa) tại thửa đất số 736, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương, mang tên cụ Hà Văn H7. Tài sản trên đất có một nhà xây dựng năm 1978 đã cũ nát (không còn giá trị sử dụng). Năm 1988 cụ H8 chết, không để lại di chúc, thời điểm này các đồng thừa kế không có sự tranh chấp về diện, hàng thừa kế cũng như di sản thừa kế, năm 2004 cụ Hà Văn H7 chết không để lại di chúc. Hiện tại thửa đất này gia đình bà Hà Thị H1 là người quản lý, sử dụng. Quá trình quản lý di sản gia đình bà H1 đã xây dựng một số công trình xây dựng trên đất gồm: một nhà tạm để xe ô tô; một nhà vệ sinh tự hoại; một nhà ngang; một nhà bếp; một chuồng gà; một mái proximang che lối đi xuống công trình phụ. Do anh chị em trong gia đình không thống nhất được cách thức phân chia di sản thừa kế, nên ông S khởi kiện đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần tài sản là thửa đất của cụ H8, cụ H7 để lại. Đối với căn nhà xây dựng năm 1978 do xuống cấp, không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu xác định là di sản thừa kế và giao toàn bộ kỷ phần thừa kế (gồm đất, các tài sản trên đất về phía đông của thửa đất, chia chung cho phía nguyên đơn) cho ông Hà Văn Th quản lý, sử dụng. Ông Th có trách nhiệm trả kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế. Đối với phần tài sản của gia đình bà H1 xây nhờ trên đất, ông S, bà H1, ông Đ tự nguyện không yêu cầu giải quyết mà để cho hai bên (bà H1, ông Đ với ông Th) tự thỏa thuận, theo đó để thuận tiện chia di sản thừa kế, bà H1, ông Đ tự nguyện giao các công trình xây dựng cho ông Th được sở hữu.

Về phần đất của cụ H7 khi còn sống có nói miệng là cho vợ chồng ông (vợ ông là bà Hà Thị T) $\frac{1}{2}$ diện tích của thửa đất nói trên nhưng chưa được chuyển quyền hợp pháp. Sau đó vợ chồng ông đã thỏa thuận chuyển nhượng phần đất này cho vợ chồng ông Qu, bà B, với giá 150.000.000 đồng. Nay ông S xác định việc chuyển nhượng phần đất này là không đúng pháp luật, bởi lẽ vợ chồng ông chưa được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của thửa đất nói trên, về phía vợ chồng ông Qu cũng biết rõ vợ chồng ông chưa có quyền sử dụng đất, vẫn tự ý giao dịch chuyển nhượng với nhau. Nay ông S tự nguyện không yêu cầu Tòa án, phải giải quyết nhưng đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện giữa ông với ông Qu hủy bỏ giao dịch dân sự về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập 20/6/2008 (âm lịch), đối với một phần đất của thửa đất số 736, địa chỉ thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương mục đích để thuận tiện cho việc chia di sản thừa kế của các đồng thừa kế. Ông S, bà T tự nguyện thanh toán trả lại vợ chồng ông Qu, bà B số tiền 150.000.000 đồng.

*Tại bản tự khai, các tài liệu, quá trình tố tụng, tại phiên tòa bị đơn ông

Hà Huy Qu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn đều trình bày: Xác định mối quan hệ gia đình, thời điểm cụ H7, cụ H8 chết cũng như khối di sản cụ H7, cụ H8 để lại như phía nguyên đơn trình bày là đúng, hiện tại thửa đất này gia đình bà H1 là người quản lý, sử dụng. Gia đình bà H1 đã xây dựng nhờ các tài sản trên đất như nguyên đơn trình bày là đúng. Nay ông S và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn, khởi kiện chia khối di sản của cụ H7, cụ H8 để lại, ông Qu nhất trí, không có ý kiến thắc mắc gì, đồng thời ông Qu đề nghị Hội đồng xét xử, giao toàn bộ diện tích đất là di sản thừa kế của cụ H7, cụ H8 cho ông được trực tiếp sử dụng, ông có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền cho những người được hưởng thừa kế. Trường hợp ông không được giao toàn bộ thì ông cương quyết đề nghị Hội đồng xét xử giao một phần di sản là quyền sử dụng đất cho ông được sử dụng, vì đây là đất ông cha để lại, liên quan đến tâm linh.

Phần đất chuyển nhượng lập ngày 20/6/2008 (âm lịch) giữa vợ ông là bà Đào Thị B với vợ chồng ông S, bà T, ông Qu nhất trí với quan điểm của ông S đồng ý không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng đề nghị ghi nhận sự tự nguyện giữa ông với ông S về việc hai bên tự nguyện hủy bỏ giao dịch về việc chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất nói trên. Ông S, bà T có trách nhiệm hoàn trả vợ chồng số tiền 150.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Như Y (ông Y chết ngày 01/4/2014), nên vợ và các con của ông Y, là người thừa kế thế vị và ủy quyền cho chị Hà Thị H3 trình bày: Về mối quan hệ gia đình, thời điểm cụ H7, cụ H8 chết, cũng như khối di sản cụ H7, cụ H8 để lại, các tài sản xây dựng trên đất như các đồng thừa kế trình bày ở trên là đúng. Nay ông S khởi kiện chia khối di sản của cụ H7, cụ H8 để lại, chị H3 nhất trí, không thắc mắc gì, xin được nhận kỷ phần thừa kế của ông Y bằng hiện vật, nếu không được thì nhận bằng tiền.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 03/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện NG, tỉnh Hải Dương, căn cứ Khoản 5 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 649, 650, 651, 652 và các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Hà Văn S và các đồng thừa kế của cụ Bùi Thị H8, cụ Hà Văn H7 để lại là 360m² đất (trong đó có 300m² đất thổ cư; 60m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 736, tờ bản đồ số 25 địa chỉ thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương.

- Di sản của cụ Bùi Thị H8, cụ Hà Văn H7 để lại là trị giá 454.500.000 đồng, chia thừa kế theo pháp luật cho 09 suất thừa kế gồm ông Hà Như Y; ông Hà Huy D, ông Hà Huy Y, bà Hà Thị Ng, bà Hà Thị H, bà Hà Thị H1, ông Hà

Văn Th, ông Hà Huy Qu, ông Hà Văn S, mỗi một suất thừa kế được hưởng phần di sản trị giá bằng tiền là **50.500.000** đồng. Do ông Hà Như Y (chết) nên vợ và các con của ông Y do chị Hà Thị H3 là đại diện theo ủy quyền được hưởng suất thừa kế của ông Hà Như Y.

- Chia cho ông Hà Văn Th được quyền quản lý, sử dụng 240m² đất là di sản thừa kế, (trong đó có 200m² thổ cư và 40m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 736, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương, có tứ cận như sau: Cạnh phía bắc giáp đường thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương ký hiệu là A1B, có kích thước 9m. Cạnh phía nam giáp phần đất hành lang giao thông sông Cửu An ký hiệu là A2E, có kích thước là 10,88m. Cạnh phía đông giáp gia đình ông Kh, có kích thước các cạnh BC là 13,97m, CD là 3,65m, DE là 10,08m. Cạnh phía tây giáp phần đất là di sản thừa kế chia cho ông Hà Huy Qu, ký hiệu là A1A2, có kích thước là 24,03m. Phần đất chia cho ông Hà Văn Th trị giá 303.000.000 đồng.

- Chia cho ông Hà Huy Qu được quyền sử dụng 120m² đất di sản thừa kế, (trong đó có 100m² thổ cư; 20m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 736, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương, có tứ cận như sau: Cạnh phía bắc giáp đường thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương ký hiệu là AA1, có kích thước 5m. Cạnh phía nam giáp phần đất hành lang giao thông sông Cửu An ký hiệu là FA2, có kích thước là 5m. Cạnh phía đông giáp phần đất là di sản thừa kế chia cho ông Hà Văn Th, có kích thước các cạnh A1A2 là 24,03m. Cạnh phía tây giáp phần đất hộ ông Chử, ký hiệu là AF, có kích thước là 24m. Phần đất chia cho ông Hà Huy Qu trị giá 151.500.000 đồng.

Ghi nhận tự nguyện của ông Hà Văn S, bà Hà Thị H1, ông Hà Văn Đ với Hà Văn Th giao: Một nhà tạm để xe ô tô; một nhà vệ sinh; một nhà ngang; một nhà bếp; một chuồng gà; một mái proximang lồi đi xuống công trình phụ, cho ông Hà Văn Th được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu. Ông Hà Văn S, bà Hà Thị H1, ông Hà Văn Đ tự nguyện không yêu cầu ông Hà Văn Th phải hoàn trả giá trị các tài sản xây dựng nói trên.

Giao cho ông Hà Văn Th còn được sở hữu, sử dụng một nhà ở có diện tích 43,55m² làm trên phần đất là di sản thừa kế, được chia.

Ông Hà Văn Th có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế mà ông Hà Văn S, bà Hà Thị Ng, bà Hà Thị H, bà Hà Thị H1, ông Hà Huy Y, số tiền mỗi một người **50.500.000** đồng.

Ông Hà Huy Qu có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế mà ông Hà Như Y (do chị H3 là đại diện), ông Hà Huy D, số tiền mỗi một người là **50.500.000** đồng.

Xử tạm giao cho ông Hà Văn Th được quản lý, sử dụng diện tích đất hành lang giao thông sông Cửu An là 68,25m², là đất do UBND xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương quản lý. Đối với phần đất đất thuộc hàng lang giao thông đường sông nói trên ông Hà Văn Th, tiếp tục sử dụng khi nào cơ quan Nhà nước có

thẩm quyền yêu cầu thu hồi thì ông Th phải có trách nhiệm, nghĩa vụ tự tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất để trả lại cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, theo quy định của pháp luật. Phần đất tạm giao cho ông Hà Văn Th được quản lý, sử dụng, có tứ cận như sau: Cạnh phía bắc, ký hiệu là A2E, có kích thước 10,88m. Cạnh phía nam ký hiệu là HK, có kích thước là 10,17m. Cạnh phía đông, ký hiệu EK, có kích thước là 6,34m. Cạnh phía tây, ký hiệu là A2H, có kích thước là 6,75m.

Xử tạm giao cho ông Hà Huy Qu được quản lý, sử dụng diện tích đất hành lang giao thông sông Cừ An là 34,75m², là đất do UBND xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương quản lý. Đối với phần đất đất thuộc hàng lang giao thông đường sông nói trên ông Hà Huy Qu, tiếp tục sử dụng khi nào cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu thu hồi thì ông Qu phải có trách nhiệm, nghĩa vụ tự tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất để trả lại cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, theo quy định của pháp luật. Phần đất tạm giao cho ông Hà Huy Qu được quản lý, sử dụng, có tứ cận như sau: Cạnh phía bắc, ký hiệu là FA2, có kích thước 5m. Cạnh phía nam, ký hiệu là GH, có kích thước là 5m. Cạnh phía đông, ký hiệu A2H, có kích thước là 6,75m. Cạnh phía tây, ký hiệu là FG, có kích thước là 6,95m.

(Có sơ đồ kèm theo).

Ghi nhận sự tự nguyện giữa ông Hà Văn S và ông Hà Huy Qu: Hủy bỏ giao dịch dân sự về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 20/6/2008 (âm lịch), giữa ông Hà Văn S, bà Hà Thị T với bà Đào Thị B. Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Hà Văn S hoàn trả lại cho ông Hà Huy Qu, bà Đào Thị B số tiền 150.000.000 đồng.

Sau khi án có hiệu lực, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Ông Hà Văn S phải chịu 2.525.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng, theo Biên lai thu số AA/2016/0001760, ngày 03/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện NG, tỉnh Hải Dương. Ông Hà Văn S còn phải nộp tiếp 1.525.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hà Huy Qu, bà Hà Thị H, bà Hà Thị H1 mỗi một người phải chịu 2.525.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hà Thị H2 và anh Hà Như O, chị Hà Thị H3, chị Hà Thị H4, chị Hà Thúy H5, anh Hà Văn Th1, anh Hà Văn Th2, do chị Hà Thị H3 là người đại diện phải chịu 2.525.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hà Huy D, ông Hà Huy Y, bà Hà Thị Ng, ông Hà Văn Th, không

phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, về hướng dẫn thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

Ngày 09/12/2018 Nguyên đơn ông Hà Văn S kháng cáo với nội dung:

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Giao lại toàn bộ di sản thừa kế là quyền sử dụng đất 360m² và chiều tám mét đường 14 m cho phía nguyên đơn (giao trực tiếp cho ông Hà Văn Th sử dụng). Ông Th có trách nhiệm thanh toán số tiền mỗi một suất thừa kế cho các đồng thừa kế với số tiền là 50.500.000 đồng.

Ngày 13/12/2018 bị đơn ông Hà Huy Qu kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương sửa bản án sơ thẩm, giao toàn bộ di sản thừa kế là 360m² (trong đó 300m² đất thổ cư, 60m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 736, tờ bản đồ số 25 địa chỉ thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương cho ông quản lý, sử dụng. Ông có trách nhiệm trả kỹ phần thừa kế cho những đồng thừa kế còn lại. Trường hợp không được, ông đề nghị giao cho ông ½ diện tích của số di sản thừa kế của bố mẹ để lại tương ứng với 07m chiều dài tám mét đường thôn AC, xã NA 180m² đất nói trên cho ông toàn quyền quản lý, sử dụng. Ông có trách nhiệm trả kỹ phần thừa kế cho những đồng thừa kế còn lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Hà Văn S, bị đơn ông Hà Huy Qu đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Huy D, bà Hà Thị H nhất trí với trình bày, ý kiến của ông Hà Văn S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Văn Th2 đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án:

Cấp sơ thẩm đã phân chia di sản thừa kế đảm bảo đúng quy định của pháp luật và giá trị thực tế sử dụng đất của đương sự đối với phần diện tích đất sau khi được phân chia. Tại cấp phúc thẩm không có thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Kháng cáo của Nguyên đơn, bị đơn không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2018/DS- ST ngày 03/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện NG, tỉnh Hải Dương.

Về án phí DSPT: Kháng cáo không được chấp nhận, người kháng cáo phải chịu án phí DSPT theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Nguyên đơn, bị đơn trong thời hạn luật định, những người kháng cáo đều nộp tiền tạm ứng án phí DSPT do vậy kháng cáo là hợp lệ, được cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

[2] Về nội dung:

Cụ Bùi Thị H8 (mất năm 1988) và cụ Hà Văn Huyền (mất năm 2004). Khi còn sống các cụ có diện tích đất hợp pháp 363m² tại thửa đất số 736, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thửa đất thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương, trên thửa đất có một ngôi nhà mái bê tông đã cũ xây dựng năm 1978. Diện tích đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/7/2000 mang tên Hà Văn Huyền. Do vậy, xác định quyền sử dụng đất và ngôi nhà trên đất là di sản thừa kế. Ngôi nhà mái bê tông đã cũ xây dựng năm 1978 đã hết khấu hao nên không định giá (di sản của cụ H8, cụ H7 để lại nhưng các đương sự tự nguyện không đề nghị chia thừa kế vì đã cũ nát).

Khi mất, cụ H8 và cụ Huyền không để lại di chúc, do vậy di sản được chia theo pháp luật.

Những người được hưởng thừa kế: Cụ Bùi Thị H8 (mất năm 1988) và cụ Hà Văn Huyền có 09 người con gồm ông Hà Như Y (ông Y chết ngày 01/4/2014 - ông Y có vợ là bà Hà Thị H2, có các con là Hà Như O, Hà Thị H3, Hà Thị H4, Hà Thúy H5, Hà Văn Th1, Hà Văn Th2); ông Hà Huy D; ông Hà Huy Y; ông Hà Văn Th; bà Hà Thị Ng; bà Hà Thị H; bà Hà Thị H1; ông Hà Huy Qu và ông Hà Văn S. Do vậy, những người con này thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản theo quy định pháp luật. Do ông Hà Như Y chết ngày 01/4/2014, nên vợ ông bà Hà Thị H2 và các con anh Hà Như O, chị Hà Thị H3, chị Hà Thị H4, chị Hà Thúy H5, anh Hà Văn Th1, anh Hà Văn Th2, là người thừa kế thế vị (do chị Hà Thị H3 là người đại diện).

Đối với các tài sản, công trình do vợ chồng bà H1, ông Đ xây dựng trên diện tích đất là di sản thừa kế trong quá trình quản lý, sử dụng đất: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, thống nhất giải quyết và đề nghị giao cho ông Th trực tiếp sở hữu, không yêu cầu ông Th phải thanh toán giá trị tài sản xây dựng cho bà H1, ông Đ. Ngoài ra, bà H1, ông Đ tự nguyện không yêu cầu tính công sức quản lý, duy tu, tôn tạo thửa đất nói trên.

Đối với việc ông Hà Văn S và ông Hà Huy Qu chuyển nhượng đất cho nhau ngày 20/6/2008 (âm lịch): Quá trình giải quyết vụ án, ông S và ông Qu đều đề nghị hủy bỏ giao dịch để trả lại phần đất cho các đồng thừa kế để chia thừa kế. Ông S (vợ là bà Hà Thị T) đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thanh toán trả lại số tiền 150.000.000 đồng cho ông Hà Huy Qu, bà Đào Thị B.

Như vậy, các bên đương sự thống nhất được với nhau về di sản thừa kế, về người được hưởng thừa kế; không tranh chấp, yêu cầu gì liên quan đến tài sản do vợ chồng bà H1, ông Đ xây dựng trên diện tích đất là di sản thừa kế, cũng như công sức, quản lý, duy tu, tôn tạo thửa đất. Các đương sự chỉ không thống nhất được về C phân chia di sản.

[3] Xét kháng cáo của Nguyên đơn ông Hà Văn S, bị đơn Hà Huy Qu, HĐXX thấy:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, cụ H8, cụ H7 có 363m² đất tại thửa đất số 736, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thửa đất thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương, nhưng khi thẩm định tại chỗ thửa đất chỉ có diện tích 360m² đất ở. Sự khác nhau về diện tích này do sai số khi đo đạc. Các đương sự đều nhất trí di sản thừa kế là diện tích đất 360m², có chiều tám mét đường là 14m.

Về nhu cầu chỗ ở: Hiện tại, các hàng thừa kế thứ nhất đều có chỗ ở khác ổn định, trừ bà H1. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà H1 không yêu cầu được hưởng hiện vật, bà và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn đều thống nhất quan điểm được chia 07 kỷ phần liên một khối và giao cho ông Th là người trực tiếp quản lý, sử dụng kèm theo tài sản trên đất về phía đông của thửa đất.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn; bị đơn đều có yêu cầu và nguyện vọng được hưởng phần di sản thừa kế được chia bằng hiện vật. Thực tế, di sản là quyền sử dụng đất có thể phân chia được bằng hiện vật. Do vậy, việc phân chia di sản đảm bảo cho nguyên đơn, người có quyền lợi đứng về phía nguyên đơn và bị đơn được hưởng phần di sản của mình bằng hiện vật là có cơ sở.

Về C phân chia cụ thể:

Di sản là quyền sử dụng đất có diện tích là 360m² đất, nhưng chiều tám mét đường thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương, của thửa đất chỉ có 14m, nếu chia đều chiều tám mét đường cho các đồng thừa kế thì một kỷ phần chỉ có 1,55m. Nếu giao kỷ phần thừa kế của ông Y cho ông Qu sử dụng, mặc dù đủ diện tích nhưng chiều tám mét đường thôn AC, xã NA cũng không đủ mức tối thiểu để cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì theo quy định tại Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND, ngày 01/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở diện tích tối thiểu được phép tách thửa trên địa bàn tỉnh Hải Dương - đối với thửa đất ở khu vực nông thôn, diện tích tối thiểu của thửa đất sau khi tách là 60m², có kích thước cạnh tiếp giáp mặt đường chính tối thiểu là 4m.

Nếu chia cho bị đơn ông Qu 02 kỷ phần thừa kế và một phần thừa kế bên phía nguyên đơn, để phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất chia cho ông Qu có chiều tám mét đường là 4m (mỗi một suất kỷ phần thừa kế là 40m² đất) sẽ

gây khó khăn cho việc sử dụng đất của đương sự sau này như không có hệ thống tiêu thoát nước về phía trước - phía sau của phần đất được chia. Mặt khác phía nguyên đơn nhận chia chung di sản quyền sử dụng đất một khối thống nhất nên chia cho phía nguyên đơn 6/9 kỷ phần di sản thừa kế quyền sử dụng đất tương ứng với chiều bằm mặt đường thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương là 9m bằng 240m² đất; chia cho bị đơn được hưởng 3/9 kỷ phần di sản thừa kế tương ứng với chiều bằm mặt đường thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương là 5m bằng 120m² đất, là phù hợp với thực tế việc sử dụng đất đai của đương sự cũng như việc sử dụng đất tại địa bàn nông thôn nói chung, đáp ứng được nguyện vọng, lợi ích cho cả nguyên đơn, bị đơn trong việc sử dụng đất. C phân chia như cấp sơ thẩm là có căn cứ, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tế.

Tại phiên tòa, không có tình tiết mới do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên HĐXX không xét và có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm:

Kháng cáo không được chấp nhận, do vậy người kháng cáo phải chịu án phí DSPT theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hà Văn S và bị đơn ông Hà Huy Qu. Giữ nguyên bản án DSST số 05/2018/DS- ST ngày 03/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện NG, tỉnh Hải Dương.

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ Khoản 5 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 649, 650, 651, 652 và các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Hà Văn S và các đồng thừa kế của cụ Bùi Thị H8, cụ Hà Văn H7 để lại là 360m² đất (trong đó có 300m² đất thổ cư; 60m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 736, tờ bản đồ số 25 địa chỉ thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương.

- Di sản của cụ Bùi Thị H8, cụ Hà Văn H7 để lại là trị giá 454.500.000 đồng, chia thừa kế theo pháp luật cho 09 suất thừa kế gồm ông Hà Như Y; ông Hà Huy D, ông Hà Huy Y, bà Hà Thị Ng, bà Hà Thị H, bà Hà Thị H1, ông Hà Văn Th, ông Hà Huy Qu, ông Hà Văn S, mỗi một suất thừa kế được hưởng phần di sản trị giá bằng tiền là **50.500.000** đồng. Do ông Hà Như Y (chết) nên vợ và các con của ông Y (do chị Hà Thị H3 là đại diện theo ủy quyền) được hưởng

suất thừa kế của ông Hà Như Y.

- Chia cho ông Hà Văn Th được quyền quản lý, sử dụng 240m² đất là di sản thừa kế, (trong đó có 200m² thổ cư và 40m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 736, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương, có tứ cận như sau: Cạnh phía bắc giáp đường thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương ký hiệu là A1B, có kích thước 9m. Cạnh phía nam giáp phần đất hành lang giao thông sông Cừ An ký hiệu là A2E, có kích thước là 10,88m. Cạnh phía đông giáp gia đình ông Kh, có kích thước các cạnh BC là 13,97m, CD là 3,65m, DE là 10,08m. Cạnh phía tây giáp phần đất là di sản thừa kế chia cho ông Hà Huy Qu, ký hiệu là A1A2, có kích thước là 24,03m. Phần đất chia cho ông Hà Văn Th trị giá 303.000.000 đồng.

- Chia cho ông Hà Huy Qu được quyền sử dụng 120m² đất di sản thừa kế, (trong đó có 100m² thổ cư, 20m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 736, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương, có tứ cận như sau: Cạnh phía bắc giáp đường thôn AC, xã NA, huyện NG, tỉnh Hải Dương ký hiệu là AA1, có kích thước 5m. Cạnh phía nam giáp phần đất hành lang giao thông sông Cừ An ký hiệu là FA2, có kích thước là 5m. Cạnh phía đông giáp phần đất là di sản thừa kế chia cho ông Hà Văn Th, có kích thước các cạnh A1A2 là 24,03m. Cạnh phía tây giáp phần đất hộ ông Chử, ký hiệu là AF, có kích thước là 24m. Phần đất chia cho ông Hà Huy Qu trị giá 151.500.000 đồng.

Có sơ đồ kèm theo.

Ông Hà Văn Th có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế mà ông Hà Văn S, bà Hà Thị Ng, bà Hà Thị H, bà Hà Thị H1, ông Hà Huy Y, số tiền mỗi một người **50.500.000** đồng.

Ông Hà Huy Qu có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế mà ông Hà Như Y (do chị H3 là đại diện), ông Hà Huy D, số tiền mỗi một người là **50.500.000** đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2]. Về án phí:

- Áp phí Dân sự phúc thẩm:

Ông Hà Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT được đối trừ số tiền 300.000 đồng ông đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004603 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện NG. Ông S đã nộp xong tiền án phí DSPT.

Ông Hà Huy Qu phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT được đối trừ số tiền 300.000 đồng ông đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2017/0004607 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện NG. Ông Qu đã nộp xong tiền án phí DSPT.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 16/4/2019./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quY thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện NG;
- Chi cục THADS huyện NG.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lại Anh Vân